

Bản án số: 530/2024/DS-PT
Ngày 23 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thắm

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thảo Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 211/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 244/2024/QĐ-PT ngày 12/6/2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 52/2024/QĐ-PT ngày 29/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 406/2024/QĐ-PT ngày 12/8/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Võ Thị Hồng Â, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị M, sinh năm 1973; địa chỉ: tổ A, ấp N, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Thanh B, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam; địa chỉ liên lạc: 153 đường T, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/7/2023), có mặt.

Người bảo vệ quyền là lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn S, là Luật sư Chi nhánh Công ty L tại Bình Dương, địa chỉ: A đường T, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1990, địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Lê Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Hồng Á trình bày:

Bà Á và bà Lê Thị M có mối quan hệ quen biết. Bà Á đã cho cá nhân bà M vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 23 tháng 7 năm 2020, bà Á cho bà M vay số tiền 300.000.000 đồng; thời hạn vay đến ngày 23 tháng 8 năm 2020, bà Á phải trả cho bà M số tiền vay; lần thứ hai: ngày 26 tháng 7 năm 2020, bà Á tiếp tục cho bà M vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay: đến ngày 26 tháng 10 năm 2020, bà Á phải trả cho bà M số tiền vay; lần thứ ba: ngày 16 tháng 8 năm 2020, bà Á tiếp tục cho bà M vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 06 tháng 9 năm 2020. Tổng số tiền bà M đã vay của bà Á là 900.000.000 đồng. Tất cả ba lần vay tiền, hai bên có lập giấy tay vay tiền, không thỏa thuận lãi suất, bà M không thể chấp tài sản gì cho bà Á. Giấy vay tiền do bà M tự viết và ký tên xác nhận. Đến thời hạn trả nợ, bà M không trả tiền vay cho Á. Ngày 18 tháng 12 năm 2020, bà M trả cho bà Á số tiền 180.000.000 đồng cho khoản vay ngày 26 tháng 7 năm 2020.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Á thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà Á chỉ yêu cầu bà M trả cho bà Á số tiền gốc nợ gốc 720.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả từ ngày 02 tháng 3 năm 2021 đến ngày 01 tháng 02 năm 2024 là 34 tháng 30 ngày $0,83\%/tháng = 209.016.000$ đồng (hai trăm lẻ chín triệu không trăm mười sáu nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi chậm trả là 929.016.000 đồng (chín trăm hai mươi chín triệu không trăm mười sáu nghìn đồng).

Chứng cứ nguyên đơn xuất trình gồm: Giấy vay tiền ngày 23 tháng 7 năm 2020; Giấy vay tiền ngày 26 tháng 7 năm 2020; Giấy mượn tiền ngày 16 tháng 8 năm 2020.

- Bị đơn bà Lê Thị M trình bày:

Bà Minh xác n các Giấy vay tiền ngày 23 tháng 7 năm 2020, Giấy vay tiền ngày 26 tháng 7 năm 2020 và Giấy mượn tiền ngày 16 tháng 8 năm 2020 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là do bà M tự ghi và ký tên xác nhận nợ.

Đối với khoản vay ngày 23 tháng 7 năm 2020 và khoản vay ngày 16 tháng 8 năm 2020, bà M cho rằng đã trả góp cho bà Á đầy đủ (thông qua hình thức chuyển khoản).

Đối với khoản vay 500.000.000 đồng ngày 26 tháng 7 năm 2020, bà M không đồng ý với khoản vay này vì bà M cho rằng không nhận khoản tiền này từ bà Á, bà Á đã chuyển số tiền này cho bà Phan Thị N, sinh năm 1984 và ông Phạm Văn V, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Bà N và ông V là người nhận tiền của bà Á. Mục đích bà M viết giấy vay chỉ mang tính tạm thời. Ngày 18 tháng 12 năm 2020, bà M đã trả cho bà Á 180.000.000 đồng. Số tiền còn lại 220.000.000 đồng bà M đã trả góp cho bà Á thông qua hình thức chuyển khoản. Do đó, bà M không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của Á.

Chứng cứ bị đơn xuất trình gồm: 01 thẻ nhớ chứa file ghi âm; sao kê tài khoản Ngân hàng Nguyễn Anh T (bản photo); tài liệu giao dịch giữa bà M với bà Á (do bà M tự đánh máy).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng Á đối với bị đơn bà Lê Thị M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Lê Thị M có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Hồng Á số tiền 929.016.000 đồng (chín trăm hai mươi chín triệu không trăm mười sáu nghìn đồng). Trong đó: nợ gốc là 720.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng); nợ lãi là 209.016.000 đồng (hai trăm lẻ chín triệu không trăm mười sáu nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 05/02/2024 bị đơn bà Lê Thị M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm, bị đơn yêu cầu đưa người làm chứng Nguyễn Anh T tham gia tố tụng, đối chất để làm rõ số tiền bà M đã thanh toán cho bà Á số tiền vay ngày 23/7/2020 và số tiền vay ngày 16/8/2020 và cho hai bên nghe rõ băng ghi âm thể hiện bà M không nhận số tiền 500.000.000 đồng theo giấy vay ngày 26/7/2020.

Qua đối chất thể hiện, bà Lê Thị M đã nhờ ông Nguyễn Anh T chuyển khoản vào tài khoản của bà Võ Thị Hồng Á số tiền 283.900.000 đồng. Bản sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ, báo có của Ngân hàng TMCP Q thông báo về số tài khoản số 1430122001642 của bà Võ Thị Hồng Á ghi sao kê từ ngày 01/7/2020 đến ngày 31/12/2020 thì tài khoản của bà Võ Thị Hồng Á có nhận chuyển tiền của bà Lê Thị M số tiền 302.700.000 đồng. Qua nghe nội dung ghi âm, bà Á không thừa nhận như trình bày của bà M, nội dung ghi âm không rõ ràng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã chuyển khoản cho nguyên đơn số tiền 302.700.000 đồng và cho rằng số tiền này không liên quan đến số tiền vay, nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác. Riêng đối với yêu cầu của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng số tiền 500.000.000 đồng ngày 26 tháng 7 năm 2020 là do bà Phan Thị N, và ông Phạm Văn V vay bà Á và bà Á chuyển tiền cho ông V chứ bà M không nhận tiền. Trình bày này là không đúng, số tiền ông V vay bà Á là số tiền khác, không liên quan đến bà M. Bà M vay tiền bà Á, đã nhận tiền nên phải trả. Việc bà M gọi điện và ghi âm để cung cấp cho Tòa án, bà Á cũng xác định hai khoản vay của ông V và bà M không liên quan đến nhau.*

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:* Theo tài liệu chứng cứ do chính nguyên đơn cung cấp thể hiện bà Lê Thị M đã trả cho Võ Thị Hồng Á số tiền 302.700.000 đồng, thông qua tài khoản của ông Nguyễn Anh T chuyển vào tài khoản bà Á số tiền vay ngày 23/7/2020 và số tiền vay ngày 16/8/2020 do đó số tiền vay bà M đã trả cho bà Á là 482.700.000 đồng lớn hơn số tiền vay gốc (400.000.000 đồng) là 82.700.000 đồng. Đối với số tiền vay 500.000.000 đồng theo giấy vay ngày 26/7/2020, qua bản ghi âm có căn cứ xác định bà M không nhận số tiền này của bà Á nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà M, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Á.

- *Người làm chứng ông Nguyễn Anh T trình bày:* Ông T kinh doanh dịch vụ chuyển tiền nhận tiền hoa hồng. Ông T đứng tên tài khoản số 9545107 tại Ngân hàng A, từ ngày 28/7/2020 đến ngày 08/11/2020, bà M có nhờ ông T chuyển khoản cho bà Á số tiền như sự thừa nhận của bà Á.

Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Lê Thị M kháng cáo trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm bà Lê Thị M thừa nhận bà M vay của bà A số tiền 300.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 23 tháng 7 năm 2020, số tiền 100.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 16 tháng 8 năm 2020; bà M, bà A thừa nhận bà M đã trả nợ gốc 180.000.000 đồng cho bà M. Bà M thừa nhận Giấy vay tiền ngày 26 tháng 7 năm 2020 là do bị đơn viết ra và ký xác nhận. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp bản sao kê xác định bà M đã chuyển khoản trả cho bà A số tiền 302.700.000 đồng, nhưng không xác định được số tiền này là trả nợ gốc hay nợ lãi. Bà M cho rằng đây là tiền lãi của số tiền vay 400.000.000 đồng, bà A cho rằng trước đây bà A và bà M có làm ăn với nhau và bà A có chuyển khoản cho bà M một số tiền nhưng không có chứng cứ chứng minh nên có căn cứ xác định đây là tiền lãi bà M trả cho bà A.

[2.3] Đối với khoản vay 500.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 26 tháng 7 năm 2020, bị đơn cho rằng bị đơn không nhận tiền từ bà A, bà A đã chuyển số tiền 500.000.000 đồng này cho bà Phan Thị N và ông Phạm Văn V và bị đơn cung cấp chứng cứ là 01 thẻ nhớ chứa file ghi âm để chứng minh rằng bà M không nhận tiền 500.000.000 đồng của A. Tòa án cấp phúc thẩm đã cho các đương sự nghe bản ghi âm nhưng các bên không thống nhất được với nhau, bà A không thừa nhận, bà M cũng không chứng minh được mình không nhận số tiền 500.000.000 đồng. Xét, chứng cứ là 01 file ghi âm do bà M tự ghi âm, không chứng minh được nguồn gốc xuất xứ, không được nguyên đơn thừa nhận nên không đảm bảo giá trị chứng cứ theo quy định tại Điều 93 và 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A cho rằng việc vay mượn giữa bà A và ông V không liên quan đến việc vay mượn tiền giữa bà A và bà M nên bà M cho rằng ông V có liên quan trong vụ án là không có căn cứ.

Bị đơn bà Lê Thị M thừa nhận ký Giấy vay tiền ngày 26 tháng 7 năm 2020 nhưng cho rằng không nhận số tiền 500.000.000 đồng nhưng bà M không có chứng cứ chứng minh. Nguyên đơn bà Võ Thị Hồng A khởi kiện và cung cấp chứng là Giấy vay tiền ngày 23 tháng 7 năm 2020; Giấy vay tiền ngày 26 tháng 7 năm 2020 và giấy mượn tiền ngày 16 tháng 8 năm 2020 là do bị đơn viết ra và ký xác nhận. Do đó có căn cứ xác định ngoài số tiền 300.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 23 tháng 7 năm 2020, số tiền 100.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 16 tháng 8 năm 2020 thì bị đơn bà M có

vay tiền 500.000.000 đồng của nguyên đơn bà Á theo Giấy vay tiền ngày 26 tháng 7 năm 2020.

[2.4] Theo Giấy vay tiền ngày 23 tháng 7 năm 2020, thời hạn vay đến ngày 23 tháng 8 năm 2020; Giấy vay tiền ngày 26 tháng 7 năm 2020, thời hạn vay đến ngày 26 tháng 10 năm 2020; Giấy mượn tiền ngày 16 tháng 8 năm 2020, thời hạn vay đến ngày 06 tháng 9 năm 2020, các khoản vay là khoản vay có kỳ hạn và không lãi suất. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó, trong trường hợp này, bị đơn phải trả tiền lãi khoản vay ngày 23/7/2020 từ ngày 21/8/2020; trả lãi khoản vay ngày 26/7/2020 từ ngày 27/10/2020 và trả lãi khoản vay ngày 16/8/2020 từ ngày 07/9/2020 với mức lãi suất 10% năm. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 02/3/2021 là có lợi cho bị đơn. Như vậy, bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả từ ngày 02 tháng 3 năm 2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01 tháng 02 năm 2024) là 34 tháng 30 ngày x 720.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 209.016.000 đồng (hai trăm lẻ chín triệu không trăm mười sáu nghìn đồng).

Số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn 302.700.000 đồng là vượt quá số tiền lãi phải trả theo quy định của pháp luật nên được khấu trừ vào nợ gốc, số tiền gốc còn lại là 626.316.000 đồng (720.000.000 đồng + 209.016.000 đồng - 302.700.000 đồng).

[2.5] Tại cấp phúc thẩm phát sinh tình tiết mới nên sửa bản án thẩm.

[2.6] Bị đơn kháng cáo là có căn cứ một phần nên được chấp nhận, phần còn lại không được chấp nhận.

[2.7] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 302.700.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận, quan điểm cho rằng bị đơn không nhận số tiền 500.000.000 đồng của nguyên đơn là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[2.8] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[2.10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả cho bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 48; khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị M. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng Â đối với bị đơn Bà Lê Thị M về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Lê Thị M có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Hồng Â số tiền 626.316.000 đồng (sáu trăm hai mươi sáu triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Hồng Â không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả cho bà Â số tiền 20.500.000 đồng (hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tiền số AA/2016/0039316 ngày 02 tháng 3 năm 2021 và số AA/2021/0008845 ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Bà Lê Thị M phải chịu 29.052.640 đồng (hai mươi chín triệu không trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho bà M số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003392 ngày 05/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- TAND huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ

